

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG TIỀN CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
12 tháng năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân
sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản thi hành án
dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VND và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	162,598,225	109,899,005	52,699,220	14,633,948	-	147,964,277	80,617,956	47,496,052	43,964,708	3,503,087	28,257	33,121,904	-	66,475,821	870,500	-	-	100,468,225	58.91%
I	Phòng Nghiệp vụ	92,261,889	80,091,379	12,170,510	9,787,191	-	82,474,698	28,677,217	18,425,712	17,960,114	465,598	-	10,251,505	-	53,797,481	-	-	-	64,048,986	64.25%
1	Trần Công Hường	84,001	-	84,001	-	-	84,001	84,001	84,001	84,001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
2	Nguyễn Duy Phiền	21,002	-	21,002	-	-	21,002	21,002	21,002	21,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
3	Phạm Văn Hiến	30,052	-	30,052	-	-	30,052	30,052	30,052	30,052	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
4	Nguyễn Văn Phóng	18,983,368	16,937,886	2,045,482	-	-	18,983,368	18,958,368	11,574,311	11,555,949	18,362	-	7,384,057	-	25,000	-	-	-	7,409,057	61.05%
5	Hà Thị Thu Hiền	65,540,656	61,981,444	3,559,212	8,040,318	-	57,500,338	4,167,535	3,504,248	3,414,926	89,322	-	663,287	-	53,332,803	-	-	-	53,996,090	84.08%
6	Nguyễn Khuông Thuong	7,299,679	1,172,049	6,127,630	1,743,418	-	5,556,261	5,200,481	3,006,520	2,648,606	357,914	-	2,193,961	-	355,780	-	-	-	2,549,741	57.81%
7	Quách Nguyên Thái	3	-	3	-	-	3	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
8	Nguyễn Chí Công	31,003	-	31,003	-	-	31,003	31,003	31,003	31,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
9	Đỗ Quốc Khánh	272,125	-	272,125	3,455	-	268,670	184,772	174,572	174,572	-	-	10,200	-	83,898	-	-	-	94,098	94.48%
II	Các Khu vực	70,336,336	29,807,626	40,528,710	4,846,757	-	65,489,579	51,940,739	29,070,340	26,004,594	3,037,489	28,257	22,870,399	-	12,678,340	870,500	-	-	36,419,239	94.48%
1	Khu vực 1	46,814,811	18,699,935	28,114,876	2,982,426	-	43,832,385	36,297,388	23,425,948	21,113,894	2,312,054	-	12,871,440	-	6,664,497	870,500	-	-	20,406,437	64.54%
1.1	Trần Văn Dũng	1,620,821	684,492	936,329	589,302		1,031,519	768,418	561,424	561,424	-		206,994		263,101	-			470,095	73.06%
1.2	Hà Thị Thu Hiền	254,160	220,600	33,560	210,900		43,260	43,260	43,260	32,260	11,000		-		-	-			-	100.00%
1.3	Bùi Quốc Tuấn	12,811,308	3,133,861	9,677,447	1,271,224		11,540,084	8,130,427	4,253,081	2,136,402	2,116,679		3,877,346		2,539,157	870,500			7,287,003	52.31%
1.4	Bùi Ngọc Linh	31,925,621	14,540,050	17,385,571	901,800		31,023,821	27,161,582	18,374,482	18,190,107	184,375		8,787,100		3,862,239	-			12,649,339	67.65%
1.5	Nguyễn Văn Thương	84,232	62,931	21,301			84,232	84,232	84,232	84,232									-	100.00%
1.6	Bùi Quốc Khánh	118,669	58,001	60,668	9,200		109,469	109,469	109,469	109,469									-	100.00%
2	Khu vực 2	13,181,128	6,435,369	6,745,759	134,991	-	13,046,137	10,758,747	2,410,702	2,317,451	79,001	14,250	8,348,045	-	2,287,390	-	-	-	10,635,435	22.41%

2,1	Phạm Minh Thị	242,340	103,316	139,024	500		241,840	241,840	241,840	239,880	1,960		-	-	-	-	-	-	-	100.00%
2,2	Đỗ Khắc Tùng	6,359,110	3,169,606	3,189,504	7,800	-	6,351,310	6,201,854	937,412	917,012	20,400		5,264,442		149,456	-	-	-	5,413,898	15.12%
2,3	Nguyễn Văn Tuấn	2,881,982	900,746	1,981,236	126,241	-	2,755,741	2,297,741	640,509	604,593	35,916	-	1,657,232	-	458,000	-	-	-	2,115,232	27.88%
2,4	Lý Ngọc Hiếu	3,697,696	2,261,701	1,435,995	450	-	3,697,246	2,017,312	590,941	555,966	20,725	14,250	1,426,371	-	1,679,934	-	-	-	3,106,305	29.29%
3	Khu vực 3	5,551,136	1,030,376	4,520,760	1,474,399	-	4,076,737	2,498,323	1,798,824	1,743,883	40,934	14,007	699,499	-	1,578,414	-	-	-	2,277,913	72.00%
3.1	CHV Vũ Quốc Hùng	1,189,921	36,914	1,153,007	1,086,124		103,797	103,797	103,797	96,597		7,200							-	100.00%
3.2	CHV Trần Văn Tùng	1,905,747	702,499	1,203,248			1,905,747	1,738,947	1,052,448	1,032,448	20,000		686,499		166,800				853,299	60.52%
3.3	CHV Phan Đình Lâm	1,969,548	239,112	1,730,436	366,275		1,603,273	191,659	178,659	162,725	15,934		13,000		1,411,614				1,424,614	93.22%
3.4	CHV Lê Bá linh	27,580	5,750	21,830			27,580	27,580	27,580	22,580	5,000		-						-	100.00%
3.5	CHV Chu Gỏ Xề	458,340	46,101	412,239	22,000		436,340	436,340	436,340	429,533		6,807	-						-	100.00%
4.1	Khu vực 4	4,789,261	3,641,946	1,147,315	254,941	-	4,534,320	2,386,281	1,434,866	829,366	605,500	-	951,415	-	2,148,039	-	-	-	3,099,454	60.13%
4.2	CHV Nguyễn Nam Cường	2,406,103	2,075,114	330,989	28,641		2,377,462	1,712,833	929,110	349,610	579,500		783,723		664,629				1,448,352	54.24%
4.3	CHV Đèo Văn Minh	1,734,156	1,560,132	174,024	15,000		1,719,156	288,638	159,896	153,896	6,000		128,742		1,430,518				1,559,260	55.40%
4.4	CHV Chu Gỏ Xề	154,382		154,382			154,382	101,490	62,540	62,540			38,950		52,892				91,842	61.62%
4.5	CHV Đỗ Quốc Khánh	160,700		160,700	200		160,500	160,500	160,500	140,500	20,000								-	100.00%
4.6	CHV Lê Bá Linh	333,920	6,700	327,220	211,100		122,820	122,820	122,820	122,820									-	100.00%

Lai Châu, Ngày tháng năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày tháng năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Công Hường

Thông tin chung biểu mẫu		Thay đổi thông tin cột C để điền thông tin vào các biểu mẫu
Đơn vị báo cáo		Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản thi hành án dân sự
Lãnh đạo	Họ tên người ký	Trần Công Hường
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày tháng năm 2025
	Chức danh	TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Người lập biểu	Họ tên người lập biểu	Lê Thị Kim Sinh
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày tháng năm 2025

Lưu ý: Biểu 4 đến biểu 12 có thể thêm dòng nhưng không thêm được cột để đảm bảo cấu trúc của biểu mẫu; Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu. Ô gạch chéo là không thực hiện thống kê